

Thứ tư, ngày 21 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Rung lắc tại ngưỡng 940 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/10/2020		•	
Tuần 19/10-23/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau giai đoạn tích lũy ngắn hạn trong vùng 940-945 điểm, VN-Index đang kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 940 điểm. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 3/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên HNX. Biên độ dao động nở rộng, độ rộng thị trường tiêu cực và thanh khoản suy giảm nhẹ báo hiệu tâm lý chốt lãi ngắn hạn của các nhà đầu tư. Nếu xu hướng điều chỉnh tiếp tục, VN-Index có thể giảm xuống ngưỡng 930 điểm trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Cổ phiếu ngành Dược_0.7%**

Phân tích kỹ thuật: DHC_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.39** điểm, đóng cửa **939.03** điểm. HNX-Index **-0.35** điểm, đóng cửa **139.98** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.40); VRE(+0.30); VPB(+0.21); LGC(+0.20); VHM(+0.26).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.58); CTG (-1.11); GVR(-0.63); VIC (-0.48); BVH (-0.42).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,165 tỷ đồng, -7.5%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.00 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **166** mã tăng, **72** mã tham chiếu và **240** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-357.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (-99.77 tỷ), MSN(-75.48 tỷ) và VHM (-67.02 tỷ).** Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **22.28** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	939.03
Giá trị: 7165.34 tỷ	-5.39 (-0.57%)
Khối ngoại (ròng): -357.82 tỷ	

HNX-INDEX	139.98
Giá trị: 886.85 tỷ	-0.35 (-0.25%)
Khối ngoại (ròng): 22.28 tỷ	

UPCOM-INDEX	63.75
Giá trị: 0.53 tỷ	0.04 (0.06%)
Khối ngoại(ròng): 5.95 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.1	-1.56%
Giá vàng	1,919	0.63%
Tỷ giá USD/VND	23,179	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,434	0.47%
Tỷ giá JPY/VND	22,083	0.51%
LS liên NH 1 tháng	0.3%	8.56%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	48.7	VRE	99.8
DXG	25.7	MSN	75.5
VHC	10.0	VHM	67.0
REE	9.7	CTG	34.8
NLG	8.2	HDB	27.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu ngành Dược_0.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	10/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu ngành Dược	0.7%	0.8%	1.3%	1.3%	15.8%	6.0%	21.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.6%	0.0%	0.0%	19.0%	21.6%	21.3%
FTSE Việt Nam	-0.2%	-0.5%	2.2%	2.2%	11.6%	-0.4%	25.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.2%	0.6%	6.6%	6.6%	24.6%	10.7%	27.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.2%	-0.2%	5.3%	5.3%	15.0%	-0.5%	24.9%
Xây dựng	-0.3%	1.0%	1.1%	1.1%	24.0%	14.6%	30.5%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	-0.6%	6.0%	6.0%	25.4%	15.1%	29.1%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.2%	-0.7%	-0.7%	15.2%	3.7%	25.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.5%	0.2%	0.9%	0.9%	16.2%	2.9%	24.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	0.2%	3.9%	3.9%	19.8%	5.1%	27.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.6%	-0.1%	5.6%	5.6%	22.0%	-2.1%	32.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.6%	1.7%	5.8%	5.8%	20.4%	7.1%	31.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	0.6%	5.5%	5.5%	24.3%	5.1%	29.8%
Ngân Hàng	-0.8%	1.3%	9.9%	9.9%	32.9%	21.4%	33.3%
VN Diamond	-0.8%	1.2%	6.1%	6.1%	22.1%	0.5%	30.9%
VN FinSelect	-0.8%	1.5%	6.1%	6.1%	20.1%	7.1%	29.7%
Stay-at-home	-1.0%	-1.5%	-1.6%	-1.6%	19.0%	24.5%	33.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.0%	-0.5%	0.0%	0.0%	20.5%	21.4%	29.0%
Dầu khí	-1.1%	-2.5%	-2.3%	-2.3%	9.9%	-16.0%	38.8%
EVFTA	-1.1%	-0.4%	1.6%	1.6%	2.6%	2.6%	14.9%
Corona Avengers	-1.3%	-0.9%	1.9%	1.9%	18.9%	14.6%	34.4%
Vật liệu Xây dựng	-1.5%	-1.8%	2.1%	2.1%	22.5%	19.6%	28.4%
Đầu tư công	-1.7%	-1.6%	0.2%	0.2%	25.2%	18.1%	25.7%
Chiến tranh thương mại	-1.9%	-1.1%	3.2%	3.2%	26.8%	9.7%	30.6%
Lãi suất giảm	-1.9%	-1.4%	-0.5%	-0.5%	22.6%	18.8%	32.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.7%	-2.0%	7.3%	7.3%	26.2%	18.5%	30.4%

Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S11	-0.4%	0.0%	3.7%	3.7%	21.8%	20.9%	25.8%
L22	-0.5%	-0.4%	1.7%	1.7%	21.5%	3.1%	27.8%
M12	-0.6%	-0.4%	4.5%	4.5%	16.9%	4.2%	25.6%
L11	-0.6%	-0.2%	1.5%	1.5%	17.2%	4.0%	24.5%
S21	-0.6%	0.0%	2.7%	2.7%	24.3%	7.4%	27.8%
M22	-0.7%	-0.7%	3.6%	3.6%	17.9%	11.7%	25.9%
S32	-0.8%	-0.4%	5.9%	5.9%	23.5%	0.1%	33.6%
M31	-1.0%	-0.8%	4.6%	4.6%	24.2%	7.8%	30.5%
L32	-1.2%	-0.8%	7.4%	7.4%	23.1%	-0.6%	30.7%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.5%	-0.3%	2.6%	2.6%	23.2%	18.9%	25.7%
LOW1	-0.6%	0.0%	3.4%	3.4%	15.3%	3.4%	25.7%
HIGH3	-1.0%	-0.4%	4.0%	4.0%	20.3%	4.4%	28.5%

INDEX							
VNINDEX	-0.6%	-0.5%	3.7%	3.7%	13.8%	-2.3%	24.4%
VN30INDEX	-0.4%	0.5%	5.5%	5.5%	17.6%	3.1%	25.7%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	10	16	14	12	11	15
Mục tiêu	9	2	7	6	3	4	5
Rủi ro	3	2	1	3	0	1	2

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 21/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.47	-0.55%	0.30%	4.10%	-19.97%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.89	-0.63%	-1.00%	2.20%	-24.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	118.17	-0.52%	-1.30%	2.40%	-19.88%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1918.40	0.60%	0.90%	0.30%	27.06%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.02	1.52%	3.10%	1.20%	38.53%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1070.00	0.59%	1.20%	4.10%	9.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	634.75	0.44%	6.40%	14.40%	15.20%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.27	-1.02%	4.00%	12.10%	22.88%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	204.59	4.09%	6.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.54	-1.22%	3.80%	8.70%	9.32%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	104.90	-1.08%	-4.70%	-7.60%	-3.18%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6899.00	1.76%	3.10%	1.30%	18.58%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	544.84	0.55%	1.00%	2.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	564.80	0.72%	0.60%	2.80%			
Nhôm	USD/ton	1834.50	-1.03%	-1.30%	2.30%	6.72%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.20	0.40%	-1.40%	-2.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	60.90	-0.65%	5.70%	-1.50%	-18.91%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 54 US cent hay 1.27% lên 43.16 USD. Dầu thô WTI tăng 64 USD cent lên 41.70 USD/thùng. Giá dầu tăng sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ cho biết bà lạc quan Đảng Dân chủ có thể đạt được một thỏa thuận với Nhà Trắng để có thể đưa ra viện trợ vào đầu tháng tới.
- Tồn kho dầu thô tăng 584,000 thùng trong tuần tính tới ngày 16/10 lên 490.6 triệu thùng, theo số liệu từ Viện Dầu mỏ Mỹ.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.4% lên 1,912.71 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,915.4 USD. Vàng tăng do USD suy yếu và hy vọng một gói cứu trợ kinh tế của Mỹ trước cuộc bầu cử Tổng thống.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 0.3% lên 789 CNY/tấn. Giá quặng sắt giao ngay hàm lượng 62% xuất sang Trung Quốc ở mức 119.5 USD/tấn trong ngày 19/10. Công ty khai thác mỏ Vale SA của Brazil báo cáo sản lượng quặng sắt tăng trong quý 3 và dự đoán tiếp tục tăng sản lượng trong quý 4 tại một số đơn vị.
- Thép thanh giao tháng 1/2021 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải đóng cửa giảm 0.3% xuống 3,616 CNY (540.67 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng đóng cửa tăng 0.2% lên 3,745 CNY/tấn. Giá thép thanh tại sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm trong phiên giao dịch, khi số liệu cho thấy thị trường nhà chậm lại làm tăng lo lắng về lĩnh vực đã hỗ trợ nhu cầu nguyên liệu xây dựng trong năm nay.
- Giá nhà mới của Trung Quốc trong tháng 9 tăng với tốc độ chậm hơn so với tháng trước trong bối cảnh hạn chế bong bóng thị trường. Trong khi đó, tăng trưởng của các công trình xây dựng mới được đo bằng diện tích sàn giảm 1.9% so với tháng trước, giảm so với mức tăng 2.4% trong tháng 8.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 3.4 JPY hay 1.7% lên 207.5 JPY (1.97 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 580 CNY lên 14,690 CNY (2,196 USD)/tấn, tiếp tục tăng trong phiên thứ 8 liên tiếp. Trong phiên này giá đã đạt 14,705 CNY/tấn, cao nhất kể từ tháng 12/2017. Giá cao su Nhật Bản tăng ngày thứ 3 liên tiếp, do lo ngại về nguồn cung thắt chặt bởi bất ổn định trị tại Thái Lan, nhà sản xuất cao su hàng đầu thế giới.
- Các nhà đầu tư đã bán phá giá chứng khoán Thái Lan trong ngày 19/10 và các nhà phân tích cảnh báo về khả năng bán tháo tiền tệ do lo ngại cuộc đối đầu leo thang giữa chính quyền và những người biểu tình chống chính phủ.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE giảm 1.15 US cent hay 1.1% xuống 1.049 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London giảm 16 USD hay 1.2% xuống 1,289 USD/tấn. Lo ngại thời tiết khô hạn tại Brazil đã lùi xa khi mưa trở lại, trong khi nhu cầu cà phê arabica vẫn yếu do một làn sóng lây nhiễm virus corona mới buộc một số quốc gia Châu Âu hạn chế hoạt động các quán cà phê và nhà hàng. Arabica cũng bị áp lực giảm từ việc bán ra mạnh của Brazil, trong khi giá từ Trung Mỹ bắt đầu tăng.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.18 US cent hay 1.2% xuống 14.54 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng

	21/10	% 21/10	20/10	% 20/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	939.03	-0.57%	944.42	0.08%	-0.12%	3.42%
S&P 500			3443.12	0.47%	-1.96%	3.72%
HĐTL S&P500	3426.50	-0.17%	3432.25	0.28%	-1.57%	4.63%
Shang- hai	3325.03	-0.09%	3328.10	0.47%	-0.47%	1.98%
Euro Stoxx	3199.13	-0.89%	3227.87	-0.45%	-2.27%	1.21%

Phân tích kỹ thuật

DHC_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Chuẩn bị xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DHC vẫn đang ở trong trạng thái đi ngang tích lũy trong khu vực 44-47 từ hơn 3 tháng nay. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Đường MACD chuẩn bị cắt lên trên đường tín hiệu nên cổ phiếu có thể quay trở lại đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DHC nằm tại xung quanh giá 45.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 52, cắt lỗ nếu ngưỡng 44 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

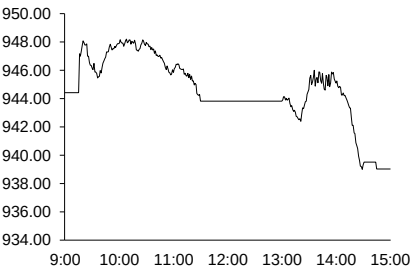
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-2.77%
Hóa chất	-2.15%
Dịch vụ tài chính	-1.67%
Ô tô và phụ tùng	-1.22%
Ngân hàng	-0.90%
Bán lẻ	-0.84%
Tài nguyên Cơ bản	-0.83%
Du lịch và Giải trí	-0.75%
Dầu khí	-0.63%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.53%
Công nghệ Thông tin	-0.52%
Xây dựng và Vật liệu	-0.46%
Y tế	-0.41%
Thực phẩm và đồ uống	-0.14%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.10%
Bất động sản	-0.08%
Truyền thông	0.20%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.73%
Viễn thông	1.89%

Hình 1

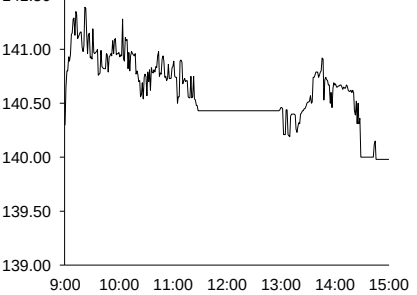
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	25.3	1	1.00%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	52.8	5	-0.75%	Có thể tiếp tục mua
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	62	6	0.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	23.75	7	3.94%	Có thể tiếp tục mua
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	15.5	8	-1.59%	Có thể tiếp tục mua
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	25.5	9	-1.35%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	23.05	13	-3.96%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	72.3	14	-2.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	15.95	20	0.95%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	106.4	22	-2.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.4	23	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	10.7	26	-5.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	86.6	27	6.78%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.4	29	-0.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.75	30	6.50%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	53.6	34	0.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.45	37	5.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.45	40	1.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.5	41	-1.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.55	43	3.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	12.9	48	2.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	103.9	51	0.87%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.1	55	-5.12%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.5	72	-2.03%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	33.85	119	10.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.4	127	2.00%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

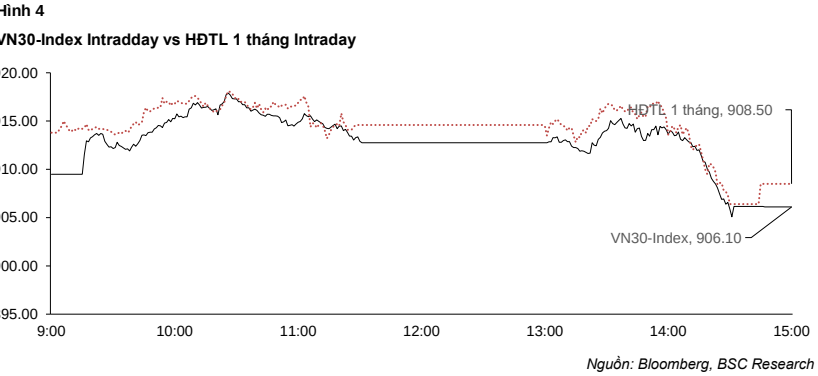
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	SL	18	-3.18%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%

Chú thích:
 Thống kê 09 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	15	11	3.06%	-2.47%	0.72%	35
Cổ phiếu đã chốt	45	25	12.31%	-8.66%	4.82%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	908.50	-0.30%	2.40	13.5%	122,699	11/19/2020	31
VN30F2012	905.00	-0.23%	-1.10	26.7%	375	12/17/2020	59
VN30F2103	901.10	-0.32%	-5.00	-16.3%	36	3/18/2021	150
VN30F2106	899.10	-0.32%		-79.3%		6/17/2021	241

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −3.39 điểm, xuống 906.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như CTG, VCB, HPG, TCB, MWG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 910-915 điểm, trước khi giảm mạnh cuối phiên chiều xuống gần 905 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 905-915 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2009	11/20/2020	30	2:1	408,230	44.97%	1,630	2,850	10.89%	2,515	1.13	23,460	20,200	25,100
CMSN2005	10/29/2020	8	5:1	54,640	35.31%	2,100	4,920	6.96%	4,752	1.04	70,500	60,000	83,700
CVPB2008	1/14/2021	85	2:1	1,003,550	44.97%	1,800	2,170	6.90%	2,058	1.05	25,600	22,000	25,100
CVPB2006	11/30/2020	40	1:1	504,430	44.97%	3,400	2,000	6.38%	2,146	0.93	27,400	24,000	25,100
CMSN2008	11/20/2020	30	5:1	13,830	35.31%	1,530	6,300	5.18%	6,205	1.02	60,650	53,000	83,700
CMWG2012	2/8/2021	110	5:1	35,540	41.72%	4,390	6,190	4.92%	5,584	1.11	101,950	80,000	105,800
CVNM2004	11/30/2020	40	1:1	4,000	32.20%	17,500	16,490	1.35%	1,148	14.36	113,048	95,548	106,400
CHPG2008	11/30/2020	40	1:1	84,430	37.49%	4,100	7,920	-0.38%	2,118	3.74	32,100	28,000	29,100
CHPG2012	1/18/2021	89	1:1	200,160	37.49%	6,100	9,830	-0.41%	3,811	2.58	32,600	26,500	29,100
CPNJ2008	2/8/2021	110	5:1	54,660	39.64%	3,030	3,810	-0.78%	3,631	1.05	65,150	50,000	67,000
CHPG2016	1/14/2021	85	2:1	309,870	37.49%	2,200	4,460	-1.11%	1,560	2.86	31,900	27,500	29,100
CHPG2019	12/18/2020	58	2:1	859,690	37.49%	1,630	2,860	-1.38%	2,678	1.07	27,360	24,100	29,100
CFPT2008	1/14/2021	85	5:1	489,370	32.11%	1,500	1,700	-1.73%	1,292	1.32	55,500	48,000	52,800
CMWG2010	1/14/2021	85	10:1	320,640	41.72%	1,400	2,750	-1.79%	2,551	1.08	96,000	82,000	105,800
CMBB2007	1/14/2021	85	2:1	375,830	35.51%	1,400	2,460	-1.99%	1,134	2.17	17,217	14,783	18,550
CTCB2007	1/14/2021	85	2:1	556,470	38.64%	1,700	2,500	-2.72%	2,159	1.16	23,400	20,000	23,750
CMWG2007	11/30/2020	40	1:1	9,120	41.72%	12,900	21,140	-4.34%	19,681	1.07	99,900	87,000	105,800
CTCB2006	10/29/2020	8	2:1	177,460	38.64%	1,200	2,860	-4.98%	2,884	0.99	20,400	18,000	23,750
CTCB2008	12/18/2020	58	2:1	222,120	38.64%	1,720	2,300	-5.74%	2,051	1.12	23,440	20,000	23,750
CTCB2005	11/30/2020	40	1:1	204,060	38.64%	3,000	2,470	-10.18%	2,325	1.06	25,000	22,000	23,750
Tổng				5,888,100	38.73%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/10/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.
- CVPB2007 và CSTB2005 tăng mạnh lần lượt là 17.50% và 16.81%. Trái lại, CTCB2005 giảm mạnh -10.18%. Giá trị giao dịch tăng 4.09%. CHPG2019 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.72% thị trường.
- CMWG2006, CVPB2006, CMSN2001, CTCB2006, và CVRE2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2008, CHPG2009, và CMSN2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2008, và CMSN2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.8	-0.9%	1.2	2,082	3.6	8,348	12.7	3.4	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	67.0	0.0%	1.3	656	2.6	4,629	14.5	3.2	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	52.0	-3.7%	1.5	1,678	3.0	1,625	32.0	2.0	28.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.5	-1.3%	0.3	287	0.0	2,651	11.1	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.3	-0.5%	0.8	14,309	0.7	2,336	41.6	3.9	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.9	1.6%	1.1	2,756	10.0	1,057	26.4	2.3	30.6%	8.9%
VHM	Bất động sản	76.4	0.3%	1.2	10,927	6.2	6,686	11.4	3.7	22.0%	36.5%
DXG	Bất động sản	11.8	-3.7%	1.4	266	4.7	658	17.9	1.0	35.0%	2.9%
SSI	Chứng khoán	17.7	-2.7%	1.3	462	5.5	1,718	10.3	1.1	50.4%	10.7%
VCI	Chứng khoán	37.2	-7.0%	1.0	268	3.5	3,770	9.9	1.5	27.3%	15.9%
HCM	Chứng khoán	22.0	-4.3%	1.6	292	4.6	1,705	12.9	1.5	48.9%	11.8%
FPT	Công nghệ	52.8	-0.8%	0.8	1,800	7.7	4,280	12.3	2.8	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	51.0	-1.4%	0.4	607	0.0	4,812	10.6	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.3	-0.4%	1.4	6,016	3.0	4,752	15.2	3.0	3.1%	19.7%
PLX	Dầu khí	48.9	-0.4%	1.5	2,591	0.6	867	56.4	3.0	16.0%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.9	-2.1%	1.5	289	2.5	1,339	10.4	0.5	10.1%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.1	-2.7%	0.8	957	0.6	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.1	0.1%	0.5	586	0.0	5,405	19.1	4.2	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.0	-0.9%	0.4	288	1.8	2,011	8.4	0.8	11.9%	8.9%
DCM	Hóa chất	12.4	-0.4%	0.5	285	2.0	709	17.5	1.0	3.2%	5.8%
VCB	Ngân hàng	86.2	-1.7%	1.1	13,900	5.5	4,915	17.5	3.6	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	42.4	0.8%	1.3	7,406	5.6	2,132	19.9	2.2	17.4%	12.3%
CTG	Ngân hàng	31.1	-3.3%	1.2	5,027	12.7	2,995	10.4	1.4	29.6%	14.6%
VPB	Ngân hàng	25.1	1.2%	1.2	2,660	17.8	4,111	6.1	1.2	23.3%	22.2%
MBB	Ngân hàng	18.6	-0.8%	1.1	2,237	7.8	2,995	6.2	1.1	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	25.2	-0.4%	0.9	2,368	9.8	2,884	8.7	1.8	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	53.7	-0.6%	0.8	191	0.2	5,781	9.3	1.8	81.0%	19.5%
NTP	Nhựa	34.0	-1.2%	0.4	174	0.0	3,348	10.2	1.6	19.0%	16.0%
MSR	Tài nguyên	17.0	-6.1%	0.4	731	0.3	356	47.8	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	29.1	-0.9%	1.2	4,192	13.6	2,632	11.1	1.8	34.1%	18.1%
HSG	Thép	15.2	-2.6%	1.5	294	6.2	1,767	8.6	1.1	9.2%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	106.4	0.2%	0.8	9,667	3.7	4,615	23.1	7.4	58.0%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	185.7	0.1%	0.8	5,178	0.7	6,328	29.3	6.5	63.1%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	83.7	0.0%	1.1	4,275	6.4	3,255	25.7	4.2	37.4%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	16.0	-2.1%	0.9	407	2.2	619	25.8	1.3	5.2%	5.3%
ACV	Vận tải	62.0	-0.2%	0.8	5,868	0.3	3,450	18.0	3.7	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	103.9	-0.6%	1.1	2,366	2.1	3,480	29.9	3.6	17.5%	12.3%
HVN	Vận tải	25.3	-1.4%	1.7	1,560	0.7	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.5	-0.8%	0.9	303	0.3	1,381	17.0	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	13.7	0.4%	1.2	168	1.2	2,076	6.6	0.8	17.7%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.2	0.0%	1.0	507	0.7	8,104	9.3	3.5	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.4	1.5%	0.7	456	0.3	1,363	17.2	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-5.0%	0.9	265	2.7	1,762	9.1	1.1	6.0%	11.9%
CTD	Xây dựng	58.3	-2.5%	1.0	193	2.8	8,453	6.9	0.5	46.3%	7.9%
CII	Xây dựng	18.5	-1.6%	0.3	192	1.2	1,562	11.8	0.9	32.7%	7.6%
REE	Điện	41.8	0.5%	-1.4	563	1.8	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.6	-0.2%	-0.4	156	0.2	2,176	10.4	1.0	14.6%	9.9%
POW	Điện	10.2	-0.5%	0.6	1,033	1.1	933	10.9	0.8	10.3%	8.1%
NT2	Điện	23.1	-1.5%	0.6	289	0.1	2,103	11.0	1.6	19.2%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	14.8	-0.3%	0.8	301	1.4	1,156	12.8	0.7	18.3%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	39.9	0%	1.0	1,796	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.35	0.83	0.40	3.02MLN
VRE	27.90	1.64	0.30	8.23MLN
VPB	25.10	1.21	0.21	16.06MLN
LGC	61.20	6.43	0.20	380
VHM	76.40	0.26	0.19	1.86MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.58	1.45MLN	1.11MLN
CTG	0.00	-1.11	9.19MLN	607060
GVR	0.00	-0.63	5.01MLN	373600
VIC	0.00	-0.48	172010.00	192700
BVH	0.00	-0.42	1.32MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CSV	29.10	6.99	0.02	809240.00
SGR	18.40	6.98	0.02	13070
OGC	8.02	6.93	0.04	1.64MLN
TTE	10.80	6.93	0.01	50
RAL	121.90	6.93	0.03	50440

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCI	37.20	-7.00	-0.13	2.09MLN
DTL	7.31	-7.00	-0.01	30
MCP	31.25	-6.99	-0.01	50.00
RIC	4.48	-6.86	0.00	210
HCD	2.48	-6.77	0.00	1.52MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

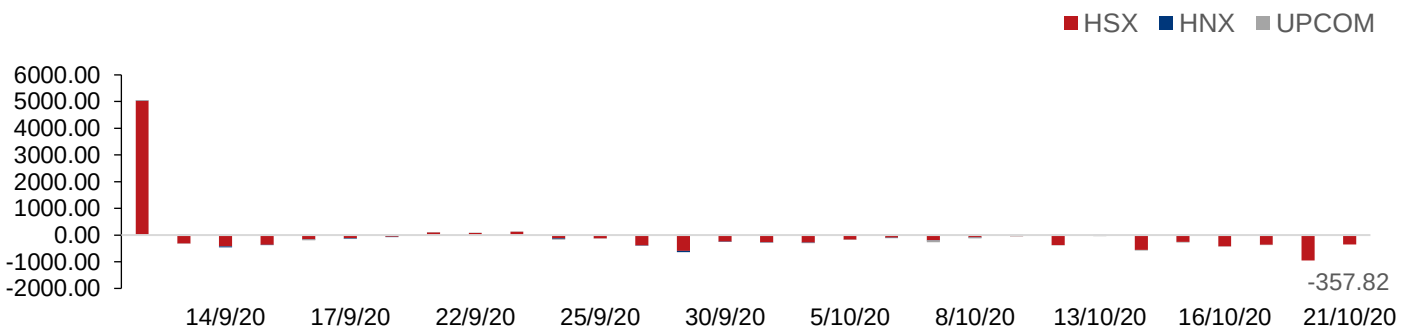
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.10	1.11	0.04	3.27MLN
VIX	12.40	2.48	0.03	589300.00
DTD	22.40	9.80	0.03	465900
LAS	7.80	9.86	0.03	1.08MLN
IDV	55.80	4.49	0.02	42800

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.20	-0.40	-0.21	8.86MLN
PVS	13.90	-2.11	-0.07	4.02MLN
SHS	13.40	-2.19	-0.06	6.71MLN
HUT	2.50	-3.85	-0.03	3.41MLN
IDC	26.00	-1.14	-0.02	292200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NGC	2.20	10.0	0.00	20800
PSE	9.90	10.0	0.00	100
SEB	36.30	10.0	0.02	1000
LAS	7.80	9.9	0.03	1.08MLN
DTD	22.40	9.8	0.03	465900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TA9	8.70	-17.14	-0.01	55400
ACM	0.70	-12.50	-0.01	1.28MLN
VNC	37.30	-9.90	-0.01	200
PV2	2.80	-9.68	-0.01	900
SFN	20.70	-9.21	0.00	300

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	105.8	8,348	12.7	3.4	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.9	885	10.1	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.9	5,130	8.2	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.0	1,944	12.3	1.7	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	29.1	2,632	11.1	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.8	2,627	10.2	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	25.1	4,111	6.1	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	42.1	9,998	4.2	1.2	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	83.7	3,255	25.7	4.2	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.7	5,316	7.6	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.2	1,767	8.6	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	24.6	1,816	13.5	2.0	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	29.1	2,632	11.1	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.8	3,103	7.7	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	67.0	4,629	14.5	3.2	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.4	4,105	26.2	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.8	658	17.9	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.8	1,721	12.1	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.5	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	29.1	5,224	5.6	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	52.0	5,241	9.9	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	86.2	4,915	17.5	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.2	2,884	8.7	1.8	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.9	5,130	8.2	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.3	5,872	9.2	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	52.8	4,280	12.3	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.5	1,381	17.0	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.8	1,156	12.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	185.7	6,328	29.3	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.0	1,944	12.3	1.7	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	106.4	4,615	23.1	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.7	1,340	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	105.8	8,348	12.7	3.4	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.0	1,918	10.4	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.1	5,405	19.1	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.7	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	67.0	4,629	14.5	3.2	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.1	4,313	7.4	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	229.5	14,782	15.5	6.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639